

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo QĐ số 774/QĐ-THADS ngày 10/6/2026 của Trưởng THADS tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp NSNN			
I	Số thu phí, lệ phí	8.717.065.623	8.717.065.623	
1	Lệ phí	-	-	
2	Phí thi hành án dân sự	8.717.065.623	8.717.065.623	
	Phí thi hành án dân sự	4.244.483.623	4.244.483.623	
	Điều hòa phí	4.472.582.000	4.472.582.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.774.830.199	4.774.830.199	
I	Chi sự nghiệp	-	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	
2	Chi quản lý hành chính	4.774.830.199	4.774.830.199	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.774.830.199	4.774.830.199	
b	Kinh phí tiết kiệm 40% tạo nguồn cải cách tiền lương	-	-	
c	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.061.833.815	1.061.833.815	
1	Lệ phí	-	-	
2	Phí Thi hành án dân sự	1.061.833.815	1.061.833.815	
	Phí thi hành án dân sự	1.061.833.815	1.061.833.815	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	139.957.484.936	139.957.484.936	
I	Nguồn ngân sách trong nước	139.957.484.936	139.957.484.936	
1	Chi quản lý hành chính	139.907.984.936	139.907.984.936	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	45.839.227.000	45.839.227.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	94.068.757.936	94.068.757.936	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	49.500.000	49.500.000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.500.000	49.500.000	
C	Nguồn địa phương hỗ trợ	1.077.506.000	1.077.506.000	
1	Chi quản lý hành chính	1.077.506.000	1.077.506.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.077.506.000	1.077.506.000	